

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 541/2018/LĐ-PT

Ngày: 31/5/2018

V/v Tranh chấp bảo hiểm xã  
hội và tiền doanh số bán hàng

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Văn Hiền

*Các Thẩm phán:* Ông Hồ Minh Cường;

Bà Võ Thị Sang.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Nguyễn Phương Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân  
Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên  
tòa:* Bà Phùng Thị Lan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03/5/2018, ngày 31/5/2018 tại phòng xử án Tòa án nhân  
dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý  
số 10/2018/TLPT-LĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp bảo hiểm  
xã hội và tiền doanh số bán hàng*”

Do bản án lao động sơ thẩm số 02/2018/LĐ-ST ngày 29/01/2018 của Tòa  
án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1688/2018/QĐPT-DS  
ngày 16/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 3114/2018/QĐ-PT  
ngày 03/5/2018 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thừa Mỹ K** – sinh năm 1983. (có mặt)

Địa chỉ: Số X B, Phường M, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị đơn:** **Công ty TNHH Hóa chất T.**

Địa chỉ: Số R T3, Phường U, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Văn H – chức vụ: Giám đốc

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Lê Thị Thu T – sinh năm 1994 (có mặt)

Theo Giấy ủy quyền số 01/2018 ngày 28/5/2018

**- Người kháng cáo:** Công ty TNHH Hóa chất T bị đơn.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

### ***\* Nguyên đơn bà Nguyễn Thừa Mỹ K trình bày:***

Bà K vào làm việc cho Công ty TNHH Hóa chất T (*gọi tắt là Công ty*) từ ngày 01/10/2011 đến tháng 1/2012, công ty chính thức ký hợp đồng lao động với bà K thời hạn 01 năm và đã đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Đến năm 2014 giữa công ty và bà K có ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn (tất cả hợp đồng lao động công ty đều giữ không giao cho bà). Ngày 05/5/2016, bà K làm đơn xin nghỉ việc đến ngày 09/5/2016 công ty ra quyết định số 05/QĐTV/TP/2016 cho bà K thôi việc kể từ ngày 09/5/2016, công ty không trả số bảo hiểm trong thời hạn được hưởng trợ cấp thất nghiệp, do đó bà K không nhận được tiền trợ cấp thất nghiệp. Công ty chưa thanh toán tiền doanh thu bán hàng cho bà K theo hợp đồng mua bán số 02/TP-LV/HĐMB với số tiền 3.500.000 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu Công ty TNHH Hóa chất T phải trả số tiền trợ cấp thất nghiệp là 8.664.000 đồng và tiền doanh thu còn thiếu là 3.500.000 đồng.

### ***\* Bị đơn - Công ty TNHH Hóa chất T có bà Huỳnh Ái C đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Công ty chỉ tạm giữ sổ bảo hiểm xã hội của bà Nguyễn Thừa Mỹ K khi bà K chấm dứt công việc tại công ty vì công nợ của công ty do bà K phụ trách chưa thanh toán xong, mục đích là để bà K hỗ trợ công ty thu hồi khoản nợ này. Sau khi đã giải quyết xong công nợ ngày 7/9/2016 công ty đã liên hệ với bà K yêu cầu 09 giờ ngày 08/9/2016 lên công ty để nhận lại sổ nhưng bà K đã không đến nhận. Công ty đã giao sổ bảo hiểm cho bà K, nay công ty đồng ý thanh toán cho bà K tiền doanh thu còn thiếu là 3.500.000 đồng, không đồng ý chi trả tiền trợ cấp thất nghiệp cho bà K do bà K không đến nhận lại sổ chứ không phải do công ty không trả.

### ***\* Tại bản án số 02/2018/LĐ-ST ngày 29/01/2018 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:***

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 159 Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2011,

Căn cứ điều 47, điều 202 Bộ luật lao động năm 2012;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014)

Căn cứ khoản 4 Điều 27 pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

#### **1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - bà Nguyễn Thừa Mỹ K**

Công ty TNHH Hóa chất T phải trả cho bà Nguyễn Thừa Mỹ K số tiền 8.664.000 đồng (Tám triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) và tiền doanh thu bán hàng là 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng), tổng cộng: 12.164.000 đồng (Mười hai triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Thời hạn trả: Ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH Hóa chất T phải nộp án phí sơ thẩm là 364.920 đồng (Ba trăm sáu mươi bốn nghìn chín trăm hai mươi đồng).

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thừa Mỹ K số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011147 ngày 11/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận A.

- Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ngày 12/02/2018, bị đơn Công ty TNHH Hóa chất T nộp đơn kháng cáo, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

**\* Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Người kháng cáo là Công ty TNHH Hóa chất T có bà Lê Thị Thu T là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Công ty kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thừa Mỹ K. Tuy nhiên, tại phiên tòa các bên đương sự xác nhận đã giao sổ bảo hiểm xã hội cho bà K và đồng ý trả tiền doanh thu còn thiếu là 3.500.000 đồng. Đối với tiền bảo hiểm thất nghiệp Công ty không đồng ý chi trả cho bà K vì theo khoản 1 Điều 45 Luật Việc làm có quy định *“Thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp để xét hưởng bảo hiểm thất nghiệp là tổng các khoảng thời gian đã đóng bảo hiểm thất nghiệp liên tục hoặc không liên tục được cộng dồn từ khi bắt đầu đóng bảo hiểm thất nghiệp cho đến khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc theo quy định của pháp luật mà chưa hưởng trợ cấp thất nghiệp”* do đó trường hợp bà K chưa được hưởng trợ cấp thất nghiệp thì sau này sẽ được cộng dồn; và Điều 49 Luật này thì bà K không thuộc trường hợp được hưởng trợ cấp thất nghiệp.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thừa Mỹ K trình bày: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác yêu cầu kháng cáo của Công ty, y án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Về hình thức đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên hợp lệ. Về nội dung kháng cáo: tại phiên tòa phía bị đơn Công ty TNHH Hóa chất T đã thừa nhận giữ lại sổ giữ lại sổ bảo hiểm nên đã vi phạm quy định tại Điều 47 Bộ luật lao động năm 2012, do đó Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà K yêu cầu Công ty TNHH hóa chất T phải trả tiền trợ cấp thất nghiệp cho bà là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Hóa chất T làm trong thời hạn luật định, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Ghi nhận sự thỏa thuận các bên đương sự đối với tiền doanh thu bán hàng Công ty TNHH Hóa chất T thanh toán cho bà K là 3.500.000 đồng.

Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Hóa chất T, nhận thấy: Bà Nguyễn Thừa Mỹ K đã làm việc cho công ty TNHH hóa chất T từ tháng 01/2012, ngày 05/5/2016 bà K có đơn xin nghỉ việc (BL 25) và công ty có Quyết định số 05/QĐTV/TP/2016 ngày 09/5/2016 (BL 26) cho thôi việc bà K. Công ty thừa nhận có giữ lại sổ bảo hiểm sau khi bà K nghỉ việc để bà K giải quyết xong công nợ của công ty do bà K phụ trách, đến ngày 07/9/2016 hẹn bà K đúng 09 giờ ngày 08/9/2016 đến công ty để nhận lại sổ, như vậy đã quá thời gian 03 tháng theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Luật việc làm năm 2013: *“Trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc, người lao động nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp tại trung tâm dịch vụ việc làm do cơ quan quản lý nhà nước về việc làm thành lập”*, bà K không còn trong thời hạn nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp. Tại phiên tòa bị đơn trình bày trường hợp của bà K sau này sẽ được cộng dồn, tuy nhiên tại khoản 1 Điều 45 Luật Việc làm năm 2013: *“khoảng thời gian đã đóng bảo hiểm thất nghiệp liên tục hoặc không liên tục được cộng dồn từ khi bắt đầu đóng bảo hiểm thất nghiệp cho đến khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc theo quy định của pháp luật mà chưa hưởng trợ cấp thất nghiệp”*, hợp đồng lao động giữa hai bên đã chấm dứt, Công ty TNHH hóa chất T đã vi phạm Điều 47 Bộ luật lao động năm 2012 quy định trách nhiệm của người sử dụng lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động, do đó Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà K, Công ty TNHH hóa chất T phải trả tiền trợ cấp thất nghiệp cho bà là có cơ sở.

Theo Công văn số 1308/BHXXH-THU ngày 22/11/2017 (BL 59) của Bảo hiểm xã hội quận A đã thể hiện Công ty đã đóng bảo hiểm thất nghiệp cho bà Nguyễn Thừa Mỹ K từ tháng 01/2012 đến tháng 4/2016; mức lương từ tháng 10/2015 đến tháng 12/2015 là 3.230.000 đồng, từ tháng 01/2016 đến tháng 4/2016 là 3.800.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn thừa nhận mức lương đóng bảo hiểm thất nghiệp cho bà K đúng như nội dung công văn trên. Như vậy, Công ty TNHH công hóa chất T có trách nhiệm trả tiền trợ cấp thất nghiệp cho bà K được tính theo điều 50 Luật Việc làm như sau:  $\{(3.800.000 \text{ đồng} \times 4) + (3.230.000 \text{ đồng} \times 2)\} : 6 \times 60\% \times 4 \text{ tháng} = 8.664.000 \text{ đồng}$ . Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không kháng nghị, do đó căn cứ quy định tại Điều 293 Bộ luật dân sự năm 2015, các quyết định khác của bản án lao động sơ thẩm số 02/2018/LĐ-ST ngày 29/01/2018 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh không bị kháng cáo, kháng nghị nên vẫn giữ nguyên.

- Về án phí lao động sơ thẩm: Bị đơn Công ty TNHH Hóa chất T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thừa Mỹ K đối với Công ty được Tòa án chấp nhận.

- Về án phí lao động phúc thẩm: do y án sơ thẩm nên bị đơn Công ty TNHH Hóa chất T phải chịu án phí phúc thẩm, theo quy định pháp luật.

*Vì những lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 32, Điều 147, Điều 148, Điều 293, Điều 296, Điều 306, khoản 1 Điều 308, Điều 313, Điều 315 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 47 Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ Điều 45, Điều 46, Điều 50 Luật việc làm năm 2013;

- Căn cứ khoản 4 Điều 27 pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu miễn giảm thu nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

\* Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Hóa chất T trong hạn luật định nên hợp lệ.

\* Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Hóa chất T. Giữ nguyên toàn bộ bản án lao động sơ thẩm số 5002/2018/LĐ-ST ngày 29/01/2018 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về tiền doanh số bán hàng là 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Buộc Công ty TNHH Hóa chất T phải trả cho bà Nguyễn Thừa Mỹ K tiền trợ cấp thất nghiệp là 8.664.000 đồng (Tám triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Tổng cộng cả hai khoản tiền trên là 12.164.000 đồng (Mười hai triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn đồng). Thời hạn trả: Công ty TNHH Hóa chất T thực hiện một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH Hóa chất T phải nộp án phí sơ thẩm là 364.920 đồng (Ba trăm sáu mươi bốn nghìn chín trăm hai mươi đồng).

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thừa Mỹ K số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0011147 ngày 11/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận A.

4. Án phí lao động phúc thẩm: Công ty TNHH Hóa chất T phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc

thẩm đã tạm nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0007863 ngày 13/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận A. Công ty TNHH Hóa chất T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TANDTC;
- TAND cấp cao (tại Tp.HCM);
- TAND quận A;
- VKSND cấp cao (tại Tp.HCM);
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận A;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Trương Văn Hiền**